TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 133/2020/DS-PT
Ngày: 16 – 10 – 2020
V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Hoàng Thành.

Ông Phan Lê Vũ Huy Hoàng.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Nguyễn Thị Trung An – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Hồng Diễm – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 9 và 16 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 8 năm 2020 về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 112/2020/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Đinh Thị T, sinh năm 1973; địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện I, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của Bà T: Ông Kim Điền P, sinh năm 1993; địa chỉ: Số 217, ấp H, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2020). (Có mặt).

- *Bị đơn*: Bà Võ Thị L, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện I, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của bà L: Ông Tống Hoàng C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện I, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019). (Có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Tống Phước B, sinh năm 1953; địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện I, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của ông B: Ông Tống Hoàng C, sinh năm 1978; địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện I, tỉnh Sóc Trăng, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 14/8/2019). (Có mặt).

2. Bà Lê Thị Y, sinh năm 1981; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện I, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

- *Người làm chứng:*

1. Ông Thái Vĩnh Đ, sinh năm 1953 (Vắng mặt).

2. Bà Diệp Thị M, sinh năm 1970 (Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị Kim Ư, sinh năm 1965 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã E, huyện I, tỉnh Sóc Trăng.

4. Bà Thạch Thị N, sinh năm 1982; địa chỉ: Ấp A2, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Vắng mặt).

5. Bà Huỳnh Thị A, sinh năm 1967; địa chỉ: Ấp B2, xã Thạnh Tân, huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng (Có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bà Đinh Thị T là nguyên đơn.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 05/6/2019 của nguyên đơn bà Đinh Thị T và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Kim Điền P trình bày:*

Vào năm 2012 âm lịch, bà Đinh Thị T có tham gia hụi do bà Võ Thị L làm chủ hụi, cụ thể: Hụi mùa 5.000.000 đồng mở ngày 15/10/2012 âm lịch, có 25 phần và bà T tham gia 01 phần. Bà T đóng hụi đến kỳ thứ 19 với số tiền đã đóng 35.300.000 đồng. Lần thứ 20 bà L báo hụi ngưng khui, tuy nhiên bà L vẫn tiếp tục đi thu tiền hụi chết của các hụi viên đã hốt, khi phát hiện sự việc bà T có yêu cầu bà L thanh toán tiền hụi sống đã đóng 19 lần x 5.000.000 đồng = 95.000.000 đồng, nhưng bà L không thanh toán. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng bà Võ Thị L và ông Tống Phước B có trách nhiệm hoàn trả số tiền hụi là 95.000.000 đồng và tiền lãi tạm tính từ ngày 15/7/2017 đến ngày khởi kiện 05/6/2019 làm tròn 23 tháng, mức lãi suất 0,83%/tháng, số tiền lãi là 18.135.500 đồng. Tổng vốn và lãi nguyên đơn yêu cầu số tiền là 113.135.500 đồng. Đồng thời, nguyên đơn yêu cầu buộc bà L và ông B phải trả lãi đến ngày xét xử sơ thẩm.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước B là ông Tống Hoàng C trình bày:*

Bà Đinh Thị T có tham gia dây hụi khui ngày 15/10/2012 âm lịch do bà L làm chủ hụi, mức hụi 5.000.000 đồng, hụi 03 tháng khui một lần, có tổng cộng 25 chân hụi, bà T tham gia 01 chân và chỉ đóng được 02 lần thì bà T muốn hốt hụi nhưng do không được nên ngưng tham gia và không tiếp tục đóng hụi. Do chân hụi của bà T bị

khuyết nên bà L kêu bà Lê Thị Y ở Ấp B, xã T, huyện I, tỉnh Sóc Trăng tham gia thay và bắt đầu đóng hụi từ lần thứ 03 đến khi ngưng, tuy nhiên dây hụi này chỉ khui được 18 lần thì ngưng khui do một số hụi viên đã lãnh hụi nhưng không đóng tiền. Đối với 02 lần hụi bà T đã đóng được số tiền 4.900.000 đồng (Lần đầu đóng 2.500.000 đồng và lần thứ hai đóng 2.400.000 đồng) hiện số tiền này bà L chưa giao trả. Nay bà L chỉ đồng ý trả cho bà T số tiền 10.000.000 đồng trên hai kỳ hụi đã đóng, trong đó vốn 4.900.000 đồng và tiền lãi. Đối với yêu cầu còn lại của nguyên đơn thì bà L không đồng ý.

- Tại Biên bản lấy khai ngày 03/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Y trình bày:

Bà có tham gia dây hụi do bà L làm chủ hụi, hụi 5.000.000 đồng, khui ngày 15/10/2012 âm lịch, bà tham gia 01 chân vào lần khui thứ 03, do bà L nói dây hụi này có người nghỉ tham gia nhưng không nói tên, nên bà không biết là ai. Bà đã được hốt hụi ở lần thứ 17 với số tiền 94.000.000 đồng đã trừ đầu thảo, bà L đã giao đủ tiền cho bà.

Sự việc đã được Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 229 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ Điều 479 Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; căn cứ Điều 10, Điều 15 và Điều 29 Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP, ngày 27/11/2006 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường; căn cứ Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 và khoản 4 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước B có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Buộc bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước B có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị T số tiền là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước B có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền 103.135.500 đồng (Một trăm linh ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2020, nguyên đơn Bà T có đơn kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà L và ông B có trách nhiệm liên đới trả cho bà tổng số tiền hụi là 113.135.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Kim Điền P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và không thay đổi, bổ sung hoặc rút đơn kháng cáo; đồng thời, cho rằng những người làm chứng xác định bà T có tham gia hụi đến lần thứ 19, nên đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà T; còn người đại diện hợp pháp của bị đơn cho rằng bà T nói đóng hụi trực tiếp cho bà L, nhưng người làm chứng thì nói bà T gửi bà đóng hụi 02 lần, những người làm chứng đều có mâu thuẫn với bà L, nên không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bà T; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng là trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm thì Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng. Về nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và các quy định pháp luật có liên quan đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà T và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận, HĐXX nhận định:

[1] Tại phiên tòa lần thứ hai (Sau khi tạm ngừng), nguyên đơn bà Đinh Thị T, bị đơn bà Võ Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước B vắng mặt, nhưng có người đại diện hợp pháp tham gia phiên tòa; bà Lê Thị Y và những người làm chứng ông Thái Vĩnh Đ, bà Thạch Thị N vắng mặt không rõ lý do, nên HĐXX căn cứ vào Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về người kháng cáo, nội dung, hình thức đơn kháng cáo và thời hạn kháng cáo của nguyên đơn bà T là đúng quy định tại Điều 271, Điều 272 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên kháng cáo hợp lệ, được Tòa án chấp nhận và tiến hành xét xử phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[3] Theo nguyên đơn bà T và bị đơn bà L thừa nhận bà L có mở dây hụi 03 tháng khui một lần, hụi khui lần đầu vào ngày 15/10/2012 âm lịch, có 25 phần hụi, mỗi phần hụi là 5.000.000 đồng, trong số những hụi viên tham gia có nguyên đơn bà T tham gia một phần. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Theo đơn kháng cáo của nguyên đơn bà T trình bày danh sách hụi mà bà L cung cấp có đề tên bà là LT, tên thường gọi của bà. Bà L cho rằng bà đóng hụi sống đến lần thứ hai rồi nghỉ đóng, nhưng trong danh sách hụi vẫn còn tên của bà. Trong khi đó, lời trình bày của bà L không có căn cứ nào chứng minh là bà ngừng đóng hụi sống đến lần thứ hai mà chỉ dựa vào lời khai của bà Lê Thị Y mà bà Lê Thị Y là cháu của bà L nhưng lại được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận. Các nhân chứng đều cho rằng bà đóng hụi sống nhiều hơn so với hai lần mà bà L trình bày, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng những người làm chứng này có tranh chấp với bà L, nên lời khai không khách quan là không đúng, tuy trước đó có tranh chấp nhưng đã được giải quyết xong; còn lời khai của bà Lê Thị Y là cháu của bà L thì Tòa án cấp sơ thẩm lại chấp nhận, từ đó cho thấy nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm là chưa khách quan. Xét thấy, trong danh sách hụi vẫn còn đề tên của nguyên đơn bà T điều đó chỉ có thể chứng minh nguyên đơn bà T có tham gia hụi do bà L làm chủ như nhận định tại mục [3] vừa nêu trên, còn việc nguyên đơn bà T cho rằng có đóng hụi sống cho bà L đến lần thứ 19 thì nguyên đơn bà T phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu đó là có căn cứ và hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Mặc dù nguyên đơn bà T có cung cấp người làm chứng gồm ông Thái Vĩnh Đ, bà Diệp Thị M (Chồng của bà M ông Tống Phước H cung cấp lời khai), bà Thạch Thị N, bà Huỳnh Thị A, nhưng những người làm chứng này cũng không xác định được việc nguyên đơn bà T có đóng hụi sống cho bà L đến lần thứ 19 như nguyên đơn trình bày. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có yêu cầu xác minh 03 người làm chứng gồm: Ông Lâm Thành I, ông Trần Thanh Â nhưng hai người này cho rằng chỉ ghi tên trên danh sách, còn người trực tiếp tham gia hụi là vợ các ông tên Lê Thị Cẩm X và Trần Thị Kim Z; bà X và bà Z không biết bà Đinh Thị T là ai, chưa từng gặp bà Đinh Thị T đi khui hụi; tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị Kim Ư thì cho rằng trong danh dách hụi ngày 15/10/2012 âm lịch có ghi tên bà, nhưng bà không có tham gia dây hụi này, nhưng mỗi lần đi khui hụi Bà T có ghé nhà bà; còn bà Huỳnh Thị A thì cũng xác định bà T có tham gia khui hụi đến lần thứ mười mấy, lần sau cùng trước khi ngưng hụi; còn theo bà Diệp Thị M thì cho rằng bà có gặp bà T đi khui hụi vài lần. Tuy nhiên, những người làm chứng nêu trên đều có mâu thuẫn với bà L, nên lời khai không khách quan. Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện hợp pháp của nguyên đơn cũng không cung cấp được chứng cứ gì mới để chứng minh cho kháng cáo của bà T là có căn cứ và hợp pháp.

[5] Từ những phân tích và nhận định như đã nêu tại mục [4], nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn bà T về việc yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử theo hướng sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà, buộc bà L và ông B có trách nhiệm liên đới trả cho bà tổng số tiền hụi là 113.135.000 đồng là không có căn cứ, nên không được HĐXX chấp nhận.

[6] Do kháng cáo của nguyên đơn bà T không được chấp nhận nên bà T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Đối với lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc đề nghị HĐXX không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà T và đề nghị áp

dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng là có căn cứ, nên được HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 6 Điều 313, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của nguyên đơn bà Đinh Thị T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số: 15/2020/DS-ST ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng về việc tranh chấp hợp đồng góp hụi. Án tuyên như sau:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T. Buộc bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước B có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn bà Đinh Thị T số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng).

- Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với thời gian chậm thi hành án.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đinh Thị T về việc yêu cầu bị đơn bà Võ Thị L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Tống Phước B có trách nhiệm liên đới trả cho nguyên đơn số tiền hụi là 103.135.500 đồng (Một trăm linh ba triệu một trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm đồng).

3. Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Đinh Thị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu số 0003209 ngày 01/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà Đinh Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án sơ thẩm (Tại mục 3 trong phần tuyên xử) không có kháng cáo, kháng nghị, không ghi trong phần quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 *(Được sửa đổi, bổ sung năm 2014),* thì những người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo

quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THA tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Văn Toàn